**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BƯU ĐIỆN**

***Báo cáo Tài chính hợp nhất***

***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012***

***đã được kiểm toán***

**NỘI DUNG**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Trang** |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02 – 03 |
| Báo cáo kiểm toán | 04 |
| Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán | 05 – 39 |
| *Bảng cân đối kế toán hợp nhất* | *05 – 08* |
| *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất* | *08 – 09* |
| *Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất* | *10 – 11* |
| *Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất* | *12 – 39* |

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

# CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện là thành viên của Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam thành lập theo Quyết định số 46/2004/QĐ-BCVT ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông).

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 61 Trần Phú - Quận Ba Đình - TP Hà Nội.

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ông | Vương Xuân Hòa |  | Chủ tịch |
| Ông | Đoàn Văn An |  | Thành viên |
| Bà | Phạm Hồng Thúy |  | Thành viên |
| Ông | Trần Hải Vân |  | Thành viên |
| Ông | Nguyễn Huyền Sơn |  | Thành viên |
| Ông | Lê Thanh Sơn |  | Thành viên |
| Ông | Lê Xuân Hải |  | Thành viên |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ông | Trần Hải Vân |  | Tổng Giám đốc |
| Ông | Lê Thanh Sơn |  | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông | Lê Xuân Hải |  | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông | Nguyễn Huyền Sơn |  | Phó Tổng Giám đốc |

# KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

# CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

* Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
* Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
* Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
* Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
* Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
* Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất**  Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. |  |  |  |
| Thay mặt Hội đồng quản trị |  | Thay mặt Ban Tổng Giám đốc |  |
| **Vương Xuân Hòa**  Chủ tích Hội đồng quản trị  *Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013* |  | **Trần Hải Vân**  Tổng Giám đốc  *Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013* |  |

Số : /2013/BC.KTTC-AASC.KT5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

***Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012***

***của Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện***

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện được lập ngày 20 tháng 02 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

***Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên***

Công ty TNHH Liên doanh Lào – Việt hiện nay đang hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ của Công hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty liên doanh nêu trên. Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh - Công ty TNHH Sản xuất Cáp đồng Lào Việt được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty liên doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 chưa được kiểm toán. Với các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể khẳng định được tính đầy đủ và tính phù hợp đối với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 của Công ty liên doanh nêu trên.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của vấn đề đến Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**  **Kế toán và Kiểm toán (AASC)** |  |  |
| **Nguyễn Thanh Tùng**  Phó Tổng Giám đốc  Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV |  | **Nguyễn Ngọc Lân**  Kiểm toán viên  Chứng chỉ KTV số: 1427/KTV |
| *Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2013* |  |  |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012***



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012***

***(tiếp theo)***

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012***

***(tiếp theo)***



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012***

****

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **Huỳnh Thị Hương** |  | **Trần Hải Vân** |
| Phụ trách kế toán |  | Tổng Giám đốc |
|  |  | *Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013* |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

***Năm 2012***

**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **Huỳnh Thị Hương** |  | **Trần Hải Vân** |
| Phụ trách kế toán |  | Tổng Giám đốc |
|  |  | *Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013* |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

***Năm 2012***

***(Theo phương pháp gián tiếp)***

******

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

***Năm 2012***

***(Theo phương pháp gián tiếp)***

***(tiếp theo)***

******

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **Huỳnh Thị Hương** |  | **Trần Hải Vân** |
| Phụ trách kế toán |  | Tổng Giám đốc |
|  |  | *Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013* |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

***Năm 2012***

* 1. **ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện là thành viên của Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam thành lập theo Quyết định số 46/2004/QĐ-BCVT ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông).

Vốn điều lệ của Công ty là 194.400.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tư tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn); tương đương 19.440.000 cổ phiếu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty là 194.300.060.000 đồng (Một trăm chín mươi tư tỷ ba trăm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn); tương đương 19.430.006 cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 61 Trần Phú – quận Ba Đình – Thành phố Hà Nội.

***Các đơn vị trực thuộc***:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên** | **Địa chỉ** |
| Nhà máy 1 | Số 61 Trần Phú – Quận Ba Đình – Hà Nội |
| Nhà máy 2 | Số 63 Nguyễn Huy Tưởng – Quận Thanh Xuân – Hà Nội |
| Nhà máy 3 | Thị trấn Lim – Tiên Du – Bắc Ninh |
| Nhà máy 4 | KCN Lê Minh Xuân – Bình Chánh – Hồ Chí Minh |
| Nhà máy 5 | KCN Liên Chiểu – Liên Chiểu – Đà Nẵng |
| Trung tâm Bảo hành | Số 9 Lê Trực – Quận Ba Đình – Hà Nội |
| Chi nhánh Miền Bắc | Số 1 Lê Trực – Quận Ba Đình – Hà Nội |
| Chi nhánh Miền Trung | Đường 2/9 – Phường Hòa Cương – Hải Châu – Đà Nẵng |
| Chi nhánh Miền Nam | 25A Nguyễn Đình Chiểu – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh |
| Ban quản lý dự án 61 Trần Phú | Số 61 Trần Phú – Quận Ba Đình – Hà Nội |

Trong đó, Trung tâm bảo hành đã dừng hoạt động từ ngày 01/03/2012 theo Thông báo số 65/TB-TGĐ ngày 24 tháng 2 năm 2012 về việc sát nhập Trung tâm bảo hành vào Chi nhánh Miền Bắc.

***Công ty con***:

Tên công ty: Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ nguồn Postef;

Tỷ lệ biểu quyết: 100%

Giá trị vốn góp: 32.000.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ đồng chẵn).

Công TNHH Giải pháp công nghệ nguồn Postef hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 011021000004 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 04/04/2008. Thời gian hoạt động của Công ty là 10 năm kể từ ngày 12/02/2004.

**Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008116 ngày 07 tháng 06 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 05 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

* Xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
* Sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện tử, tin học;
* Kinh doanh trong các lĩnh vực: Bưu chính, viễn thông, công nghiệp, nhà ở;
* Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
* Xây lắp, lắp đặt, bảo trì, sửa chữa thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học;
* Kinh doanh dịch vụ: Xây lắp bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin và các dịch vụ giá trị gia tăng khác;
* Cung cấp dịch vụ: Xây lắp, tư vấn, kỹ thuật trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học;
* Cho thuê hoạt động: Đầu tư kinh doanh bất động sản, xây dựng kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê.
  1. **CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chứng từ.

**2.3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**2.4. Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.6. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý.

Riêng tại Nhà máy 1, Nhà máy 2, Nhà máy 5 và Trung tâm Bảo hành giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp hệ số giá.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 50 năm |
| Máy móc, thiết bị | 05 – 15 năm |
| Phương tiện vận tải | 06 – 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 03 – 08 năm |

**2.9. Các khoản đầu tư tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, Công ty TNHH Sản xuất Cáp đồng Lào – Việt, được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt đông kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

* Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
* Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

* Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
* Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

**2.10. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**2.11. Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và đuợc tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.13. Các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khỏan dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**2.14. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**2.15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Từ năm 2012 Công ty thay đổi chính sách kế toán đối với các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC thay thế cho Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Việc xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được thay đổi so với năm 2011 như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Năm 2012 |  | Năm 2011 |
| Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn |  | Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính |  | Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược để xóa số dư |
| Các khoản nợ dài hạn |  | Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. |  | Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. |

Việc thay đổi chính sách kế toán này không áp dụng hồi tố cho Báo cáo tài chính năm 2011 trở về trước.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Sản xuất Cáp đồng Lào Việt để hợp nhất Công ty liên doanh theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ đồng nguyên tệ (LAK) sang đồng Việt Nam theo tỷ giá chuyển đổi tại thời điểm 31/12/2012 là 2,57 đồng/LAK.

**2.16. Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

* Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
* Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
* Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
* Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
* Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
* Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
* Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

* Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
* Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.17. Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

* Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
* Chi phí cho vay và đi vay vốn;
* Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
* Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.18. Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Theo giấy phép đầu tư số 217/GP-HN ngày 12 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ nguồn POSTEF được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

* Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 20% lợi nhuận thu được trong 10 năm hoạt động;
* Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% lợi nhuận thu được trong mười năm hoạt động;
* Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo (Được giảm 50% thuế các năm 2008, 2009,2010);

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(\*) Chi phí liên quan tới Dự án 61 Trần phú – Ba Đình – Hà Nội và Dự án 63 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội bao gồm: Chi phí trợ cấp thôi việc; Chi phí thuê văn phòng, chi phí thuê đất của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 là 40.380.604.514 đồng. Theo Hợp đồng hợp tác liên danh thì những chi phí này sẽ được tính vào chi phí hỗ trợ di dời của Dự án.









1. Hợp đồng tín dụng số 51-2011/HĐTD ngày 01/07/2011 - NH TMCP Công thương - CN Ba Đình

* Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
* Mục đích cho vay: Mua nguyên vật liệu, vật tư, hàng hóa, chi lương, chi phí vận chuyển và các chi phí khác phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2011 của Doanh nghiệp;
* Thời hạn vay: Thời hạn cho vay ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ tối đa không quá 06 tháng/giấy nhận nợ kể từ ngày bắt đầu nhận tiền vay;
* Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi;
* Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản
* Trụ sở chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện gắn liền với giá trị quyền sử dụng 147,71 m2 đất tại số nhà 25A Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Tp HCM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sỏ hữu nhà, tại số nhà 25A Nguyễn Đình Chiểu;
* Trụ sở Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện tại số 63 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội bao gồm văn phòng làm việc, toàn bộ nhà xưởng và các công trình xây dựng khác gắn liền với giá trị quyền sử dụng 13.000 m2 đất theo Hợp đồng;
* Toàn bộ nhà xưởng gắn liền quyền sử dụng diện tích đất thuê 14.954,5 m2 do Công ty Cổ phần Thiết bị bưu điện thuê của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bình Chánh lô J9, J10, J12H, J12G tại khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Tp HCM, theo Hợp đồng thuê;
* Nhà và giá trị quyền sử dụng đất tại trụ sở Chi nhánh miền Trung - Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện (gồm 4 tầng và tầng lửng) gắn liền với quyền sử dụng 249,8 m2 đất (trong đó diện tích sử dụng là 342,41 m2; diện tích xây dựng là 169,7 m2) tại địa chỉ lô 6-7;
* Tổng giá trị tài sản đảm bảo đến thời điểm ký hợp đồng vay: 31.906.000.000 đồng;

1. Gia hạn thư đề nghị cung cấp tiện ích chung tài khoản số 002-003424 ngày 16/09/2012 của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội.

* Hạn mức tín dụng: 5.000.000 USD;
* Mục đích cho vay: Thanh toán theo hình thức thẻ tín dụng thương mại;
* Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi;
* Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản;
* Thế chấp hàng tồn kho luân chuyển giá trị thường xuyên tối thiếu 30 tỷ đồng;
* Thế chấp quyền đòi nợ, khoản phải thu từ các đơn vị hành chính sự nghiệp có uy tín, các đơn vị nhà nước có sử dụng ngân sách trung ương hoặc các đơn vị uy tín, truyền thống trong ngành viễn thông như Viettel, viễn thông các tỉnh, các sở ban ngành sử dụng ngân sách nhà nước (không bao gồm cấp huyện, xã) hoặc các đơn vị uy tín mà MB có đủ thông tin xếp hạng tín dụng theo quy đinh;
* Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, quyền đòi nợ, khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế thực hiện;
* Vay cá nhân: Là khoản vay cá nhân trong và ngoài Công ty; Thời hạn vay: từ 1 đến 12 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm 31/12/2012 thực hiện theo quy định trong QĐ số 290a/QĐ-TCKT ngày 29/08/2012 đã được TGĐ phê duyệt; từ 0,4% - 0,92%/ tháng;

1. Nợ dài hạn đến hạn trả của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 96/11/TDH-POT/VCBHT ngày 26/10/2011

* Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương và không vượt quá 50% tổng mức đầu tư vốn cố định Dự án chưa bao gồm VAT;
* Mục đích cho vay: Thanh toán chi phí hợp lệ, hợp pháp để đầu tư Dự án Tổ hợp công nghiệp POSTEF tại VSIP Bắc Ninh - Giai đoạn I;
* Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay bằng Lãi suất cho vay dài hạn VNĐ SX-KD-TMDV hoặc lãi suất cho vay ngoại tệ dài hạn thông thường và thay đổi theo công bố lãi suất cho vay nêu trên của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây trong từng thời kỳ;
* Hình thức đảm bảo tiền vay:
* Một phần máy móc thiết bị sản xuất di dời từ Nhà máy 2 tại 63 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội (bao gồm 1 máy ép nhựa Toshiba 630T, 06 máy tiện CNC hiệu Microstar-X và dây truyền sản xuất cáp quang dùng trong viễn thông) với giá trị là 8.866.000.000 đồng;

Tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có:

* Quyền tài sản của Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện phát sinh từ Hợp đồng thuê lại đất tại Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh số VSIP BN-LA-0338 ngày 06/12/2010 giữa Công ty CP Thiết bị bưu điện và Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh với giá trị tạm tính là 51.796.000.000 đồng;
* Tài sản gắn liền với hình thành trong tương lai thuộc Dự án Tổ hợp Công nghiệp POSTEF tại VSIP Bắc Ninh - Giai đoạn I (bao gồm nhà xưởng và trạm biến áp) với giá trị tạm tính là 50.618.000.000 đồng.

**17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Các khoản phải trả dài hạn khác là khoản vốn của đối tác liên quan đến chi phí hỗ trợ di dời là 140.736.375.204 đồng của Dự án 61 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội và Dự án 63 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội.

*Hợp đồng hợp tác đầu tư số 40/2011/HĐHTĐT/POT-LVH-HL*

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 40/2011/HĐHTĐT/POT-LVH-HL giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện và Liên danh giữa Công ty Cổ phần Liên Việt Holdings và Công ty Cổ phần Him Lam về việc hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh Dự án đầu tư Xây dựng Công trình đa chức năng POSTEF tại 61 Trần Phú, Ba Đình. Vốn góp của Dự án là 1.039,2 tỷ đồng và Tổng mức đầu tư là 3.200 tỷ đồng. Theo đó, POSTEF thực hiện góp vốn bằng lợi thế quyền sử dụng khu đất tương ứng là 530 tỷ đồng (chiếm 51% tổng giá trị vốn góp), Bên Liên danh góp vốn bằng tiền là 509,2 tỷ đồng (chiếm 49% tổng giá trị vốn góp).

Theo hợp đồng này, Liên doanh thực hiện hỗ trợ POSTEF chi phí di dời cơ sở kinh doanh, chi phí thuê mặt bằng và chi phí ngừng hoạt động kinh doanh trong giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn xây dựng hoàn thành với giá trị khoán gọn là 125 tỷ đồng (chưa bao gồm thuế VAT) và được tính vào chi phí của dự án. Chi tiết chi phí hỗ trợ di dời như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục Công trình** | **Số tiền** |
| 1 | Chi phí di dời máy móc, vật tư | 17.203.028.732 |
| 2 | Chi phí liên quan đến người lao động | 6.670.100.420 |
| 3 | Chi phí ngừng sản xuất | 1.655.250.458 |
| 4 | Chi phí thuê văn phòng, cửa hàng, kho trong 4 năm | 85.517.908.115 |
| 5 | Chi phí phá dỡ nhà xưởng, nhà văn phòng cũ | 4.464.562.726 |
| 6 | Chi phí khác | 9.489.149.549 |
|  | **Cộng** | **125.000.000.000** |

Trong năm 2012, Liên danh đã chuyển số tiền 137,5 tỷ đồng (đã bao gồm 10% VAT) cho Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện theo Hợp đồng hợp tác liên doanh.

*Hợp đồng hợp tác đầu tư số 39/HĐĐT/2011 ngày 26/12/2011 nay là Hợp đồng liên danh hợp tác đầu tư số 156/HĐ ĐT/Postef-Songhong ICT ngày 24/4/2012:*

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 39/HĐĐT/2011 ngày 26/12/2011 giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện và Công ty TNHH Tài Tâm về việc thực hiện đầu tư Dự án tổ hợp đa chức năng tại 63 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội; Vốn góp của Dự án là 160 tỷ đồng. Theo đó, POSTEF thực hiện góp vốn bằng lợi thế quyền sử dụng khu đất tương ứng là 80 tỷ đồng (chiếm 50% tổng giá trị vốn góp); Bên đối tác góp vốn bằng tiền là 80 tỷ đồng (chiếm 50% tổng giá trị vốn góp). Trong năm 2012, Công ty TNHH Tài Tâm thực hiện chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng hợp tác nêu trên cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Sông Hồng theo Hợp đồng số 68/HĐKT ngày 11/4/2012.

Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Sông Hồng ký Hợp đồng liên danh hợp tác đầu tư số 156/HĐ ĐT/Postef-Songhong ICT ngày 24/4/2012 để tiếp tục thực hiện Dự án tổ hợp đa năng tại 63 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội. Theo hợp đồng này, Liên doanh thực hiện hỗ trợ POSTEF chi phí di dời cơ sở kinh doanh và giải phóng mặt bằng với giá trị khoán gọn là 49,5 tỷ đồng (đã bao gồm 10% thuế VAT). Trong năm 2012, Liên danh đã chuyển số tiền 24,75 tỷ đồng (đã bao gồm 10% VAT) cho Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện theo Hợp đồng hợp tác liên danh.

Theo Quyết định số 82/QĐ-TGĐ ngày 28/07/2012 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện, Công ty quyết định thành lập Ban quản lý dự án 61 Trần Phú để giúp chủ đầu tư quản lý và thực hiện Dự án xây dựng công trình đa chức năng POSTEF tại 61 Trần Phú – Ba Đình – Hà Nội theo đúng quy định hiện hành của pháp luật và của chủ đầu tư, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả của dự án. Ban quản lý dự án 61 Trần Phú căn cứ vào chi phí thực tế phát sinh sẽ theo dõi các khoản chi phí xây dựng cơ bản phát sinh, công nợ phải thu, phải trả…. liên quan đến hoạt động của liên doanh tại Dự án 61 Trần phú – Ba Đình – Hà Nội;

Các khoản chi phí hỗ trợ di dời của Dự án 61 Trần phú – Ba Đình – Hà Nội và Dự án 63 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội đã phát sinh sẽ được Công ty theo dõi trên tài khoản Phải thu khác. Căn cứ vào chi phí di dời thực tế phát sinh hàng kỳ Công ty sẽ ghi nhận thu nhập (đối với hạng mục tự thực hiện) và phân bổ chi phí tương ứng vào chi phí xây dựng cơ bản của từng dự án.

**18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn là khoản trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm theo thời hạn trong hợp đồng kinh tế đã thực hiện tại thời điểm 31/12/2012 là 10.357.438.974 đồng.

****

Trong đó: Chênh lệch tỷ giá phát sinh tại thời điểm 31/12/2012 khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Sản xuất Cáp đồng Lào Việt để hợp nhất Công ty liên doanh theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ đồng nguyên tệ (LAK) sang đồng Việt Nam là 7.751.302.798 đồng (tỷ giá chuyển đổi tại thời điểm 31/12/2012 là 2,57VND/LAK).



 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

 Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31. THÔNG TIN KHÁC**

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 40/2011/HĐHTĐT/POT-LVH-HL giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện và Liên danh giữa Công ty Cổ phần Liên Việt Holdings và Công ty Cổ phần Him Lam về việc hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh Dự án đầu tư Xây dựng Công trình đa chức năng POSTEF tại 61 Trần Phú, Ba Đình và Biên bản làm việc giữa các bên liên doanh thì tiền thuê đất năm 2012 tại số 61 Trần Phú – Ba Đình – Hà Nội sẽ tính vào chi phí Dự án. Do đó, chi phí thuê đất tại số 61 Trần Phú đất năm 2012 được ghi nhận vào chi phí dự án và không được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 156/HĐ ĐT/Postef-Songhong ICT ngày 24/4/2012 giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Sông Hồng và Biên bản làm việc giữa các bên liên doanh thì tiền thuê đất phải nộp cho Nhà nước kể từ ngày 01/01/2012 tại khu đất 63 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội sẽ được hạch toán vào chi phí dự án. Do đó, chi phí thuê đất tại số 63 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội được được ghi nhận vào chi phí dự án và không được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty đã hoàn thành việc di dời toàn bộ Nhà máy 1, Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ nguồn POSTEF sang Khu công nghiệp VSIP trong năm 2011 và năm 2012. Hiện nay, Công ty tạm ngừng việc di dời Văn phòng Công ty, Nhà máy 2 do việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án tại số 61 Trần Phú – Ba Đình – Hà Nội và 63 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội chậm hơn so với kế hoạch.

Vốn điều lệ của Công ty là 194.400.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tư tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn); tương đương 19.440.000 cổ phiếu. Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2012 là 194.300.060.000 đồng (Một trăm chín mươi tư tỷ ba trăm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn); tương đương 19.430.006 cổ phiếu. Chênh lệch giữa Vốn điều lệ và Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2012 là 99.940.000 đồng; tương đương 9.994 cổ phiếu là do nhà đầu tư không thực hiện mua cổ phiếu lẻ khi Công ty phát hành cổ phiếu trước đây.

**32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**33. BÁO CÁO BỘ PHẬN**









**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **Huỳnh Thị Hương** |  | **Trần Hải Vân** |
| **Phụ trách kế toán** |  | **Tổng Giám đốc** |
|  |  | *Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013* |